

Số: /HD-STTTT

Nghệ An, ngày tháng năm 2022

HƯỚNG DẪN

Thực hiện các nội dung Tiêu chí thông tin và truyền thông trong trong các Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Phiên bản 1.0)

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của UBND tỉnh về việc quy định các nội dung, tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1595/QĐ-UBND ngày 08/6/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông công bố các chỉ tiêu thuộc tiêu chí thông tin và truyền thông của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện các nội dung Tiêu chí thông tin và truyền thông trong trong các Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 với các nội dung sau:

PHẦN I. HƯỚNG DẪN CHUNG

I. Các nội dung, tiêu chí do UBND tỉnh giao Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn (theo Quyết định số 1595/QĐ-UBND của UBND tỉnh)

1. Các nội dung, tiêu chí Bộ tiêu chí quốc gia về **xã nông thôn mới** (từ 8.1-8.4).

2. Các nội dung, tiêu chí Bộ tiêu chí quốc gia về **xã nông thôn mới nâng cao** (từ 8.1-8.5 Tiêu chí số 8; 15.1 Tiêu chí số 15).

3. Nội dung xã đạt chuẩn kiểu mẫu về chuyển đổi số (theo khoản 4 Điều 1 Quyết định số 319/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về **xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025**).

4. Nội dung 9.5 thuộc tiêu chí số 9 về Hệ thống chính trị - an ninh – trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí **huyện nông thôn mới**.

5. Nội dung 8.9 thuộc tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống; Nội dung 9.2 thuộc tiêu chí số 9 về An ninh – trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí **huyện nông thôn mới nâng cao**.

II. Giải thích một số từ ngữ

1. *Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử*: là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân tiến hành toàn bộ hoặc một số bước thực hiện thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc bằng phương tiện điện tử thông qua các dịch vụ công trực tuyến.

2. *Dịch vụ công trực tuyến* là dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác của cơ quan nhà nước được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng.

a) *Dịch vụ công trực tuyến mức độ 1*: là dịch vụ bảo đảm cung cấp đầy đủ các thông tin về thủ tục hành chính và các văn bản có liên quan quy định về thủ tục hành chính đó.

b) *Dịch vụ công trực tuyến mức độ 2*: là dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 và cho phép người sử dụng tải về các mẫu văn bản và khai báo để hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu. Hồ sơ sau khi hoàn thiện được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ.

c) *Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3*: là dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và cho phép người sử dụng điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ. Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng. Việc thanh toán lệ phí (nếu có) và nhận kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ.

d) *Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4*: là dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và cho phép người sử dụng thanh toán lệ phí (nếu có) được thực hiện trực tuyến. Việc trả kết quả có thể được thực hiện trực tuyến, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến người sử dụng.

3. *Mạng LAN (Local Area Network - Mạng máy tính nội bộ)*: là một hệ thống mạng dùng để kết nối các máy tính trong một phạm vi nhỏ (nhà ở, phòng làm việc, trường học, ...). Các máy tính trong mạng LAN có thể chia sẻ tài nguyên với nhau, mà điển hình là chia sẻ tập tin, máy in, máy quét và một số thiết bị khác.

4. *Xuất bản phẩm*: là tác phẩm, tài liệu về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật được xuất bản thông qua nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản bằng các ngôn ngữ khác nhau, bằng hình ảnh, âm thanh và được thể hiện dưới các hình thức sau đây:

- a) Sách in;
- b) Sách chữ nổi;
- c) Tranh, ảnh, bản đồ, áp-phích, tờ rời, tờ gấp;
- d) Các loại lịch;
- đ) Bản ghi âm, ghi hình có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách.

III. Một số chỉ dẫn thực hiện:

- Bản Hướng dẫn này liệt kê đầy đủ các nội dung, tiêu chí về thông tin và truyền thông trong các Bộ tiêu chí của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và của UBND tỉnh do UBND tỉnh giao Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn.

- Các nội dung hướng dẫn cụ thể được đặt trong dấu ngoặc đơn “()” ngay sau từng nội dung tiêu chí.

- Việc tổ chức thực hiện phải đáp ứng các quy định hiện hành của nhà nước đối với từng nội dung tiêu chí.

- Trên cơ sở Hướng dẫn này, các huyện, thành phố, thị xã có thể quy định cụ thể hơn (nếu có) và hướng dẫn các xã triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế.

PHẦN II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

I. Hướng dẫn thực hiện Tiêu chí số 8 – Thông tin và truyền thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới

8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính

a) Về cơ sở vật chất

- Có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương:

(Mặt bằng được cấp, mượn hoặc thuê hợp pháp như: có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hợp đồng hoặc văn bản cho thuê, mượn,...; khuôn viên, nhà cửa sạch sẽ, bảo đảm mỹ quan; có trang bị các thiết bị tối thiểu theo quy định của ngành bưu chính).

- Có treo biển tên phục vụ;

- Niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ:

(Thông tin về dịch vụ bưu chính: Bảng giá cước đối với từng dịch vụ; Quy trình giải quyết khiếu nại; Danh mục hàng cấm gửi; Thủ tục hành chính nếu cung cấp dịch vụ tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, ...)

- Thời gian mở cửa phục vụ phải đảm bảo tối thiểu 4 giờ/ngày làm việc.

b) Về dịch vụ: Tại điểm phục vụ, đảm bảo cung cấp các dịch vụ:

- Dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02 kg;

- Dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05 kg.

8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet

Xã có dịch vụ viễn thông, Internet là xã đáp ứng được các điều kiện sau:

a) Tất cả các thôn, bản trên địa bàn xã có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng ít nhất một trong hai dịch vụ điện thoại: trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất¹ và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập Internet: trên mạng băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng băng rộng di động mặt đất²;

b) Dịch vụ viễn thông, Internet trên địa bàn xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn, bản

¹ Điện thoại cố định hoặc điện thoại di động (2G).

² Internet cáp quang hoặc cáp đồng hoặc Internet di động 3G, 4G, 5G.

Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn, bản là xã đáp ứng được các điều kiện sau:

a) Xã có đài truyền thanh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông:

(- Đối với đài truyền thanh không dây FM: Máy phát phải có tần số nằm trong dải tần số 54-68MHz, có Giấy phép sử dụng tần số do Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực VI cấp đang còn hiệu lực. Thiết bị máy phát phải có Giấy chứng nhận hợp quy, dán tem hợp quy theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Đối với đài truyền thanh xã dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông: thực hiện theo Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông).

b) Có ít nhất 2/3 số thôn, bản trong xã có hệ thống loa hoạt động.

8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành

Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành là xã đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Tỷ lệ máy vi tính/số cán bộ, công chức của xã đạt 100%.

b) Xã có sử dụng ít nhất 04 phần mềm ứng dụng sau:

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (VNPT-Ioffice);

- Hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước;

- Hệ thống một cửa điện tử;

- Cổng/trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

(+ Yêu cầu về cổng/trang thông tin điện tử; những thông tin chủ yếu của cổng/trang thông tin điện tử phải đáp ứng khoản 1, khoản 2 Điều 28 Luật Công nghệ thông tin;

+ Việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến thực trên Trang thông tin điện tử của xã thực hiện theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

+ Tích hợp đường dẫn (link) các phần mềm có kết nối internet phục vụ quản lý, điều hành của xã).

c) Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 30%:

(Thực hiện theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử).

II. Hướng dẫn thực hiện Tiêu chí số 8 – Thông tin và truyền thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao³

1. Điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

Ngoài việc đáp ứng các điều kiện của xã đạt chuẩn, điểm phục vụ bưu chính tại xã phải có khả năng phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân:

(- Điểm phục vụ bưu chính được trang bị hệ thống máy tính có kết nối internet, máy quét (scan));

- Nhân viên điểm phục vụ được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến để hỗ trợ, hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến).

2. Thuê bao sử dụng điện thoại thông minh

Xã có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt: Tối thiểu 50% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; Tối thiểu 80% đối với các xã còn lại.

3. Dịch vụ báo chí, truyền thông

a) 100% số thôn của xã khu vực đồng bằng có hệ thống loa hoạt động thường xuyên; 90% thôn, bản của xã khu vực miền núi có hệ thống loa hoạt động thường xuyên;

b) 100% số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng internet;

c) Có ít nhất một điểm cung cấp xuất bản phẩm:

(Có địa điểm bố trí thuận lợi (điểm Bưu điện, Nhà văn hóa xã,...) để người dân có thể đọc miễn phí các xuất bản phẩm thuộc một trong các hình

³ Các nội dung 1, 2, 3, 4 do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể; Nội dung 5, 6 do UBND tỉnh quy định cụ thể.

thức: Xuất bản phẩm Bản giấy hoặc Xuất bản phẩm điện tử. Đối với hình thức Xuất bản phẩm điện tử, phải có ít nhất một máy tính lưu trữ danh mục các xuất bản phẩm điện tử; có kết nối internet).

4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội.

Xã đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 50%;

b) Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt: Tối thiểu 80% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo và 100% đối với các xã còn lại;

c) Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt: Tối thiểu 50% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; Tối thiểu 70% đối với các xã còn lại;

d) 100% sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử:

(Các sản phẩm được giới thiệu, quảng bá trên một trong số các sàn: 37nghean.com, postmart.vn, voso.vn hoặc các sàn thương mại điện tử khác).

đ) 100% hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ:

(Việc thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ được thực hiện theo Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02/3/2022 phê duyệt Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số)⁴.

5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)

a) Địa điểm có mạng wifi: Các điểm công cộng bắt buộc phải có mạng wifi miễn phí: UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trạm Y tế; Các điểm công cộng khuyến khích có mạng wifi miễn phí; Trường học, nhà văn hóa thôn, các địa điểm du lịch cộng đồng, khu vui chơi giải trí công cộng, chợ, các cơ sở tôn giáo (chùa, nhà thờ) và các địa điểm khác do địa phương đề xuất;

b) Mạng wifi phải đáp ứng chất lượng dịch vụ, các điều kiện kỹ thuật khai

⁴ Có Kế hoạch riêng của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 392/QĐ-BTTTT.

thác và bảo đảm an toàn thông tin theo các quy định hiện hành.

6. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính (*Nội dung 15.1 – Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao*):

(- Tỷ lệ cán bộ, công chức UBND cấp xã sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính: 100%;

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (nộp trực tiếp, nộp qua bưu chính) được cập nhật, số hoá trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính: 100%;

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ/tổng số dịch vụ công trực tuyến của UBND cấp xã cung cấp (trích xuất từ Hệ thống đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính của Văn phòng Chính phủ): Từ 90% số điểm tối đa của tiêu chí tương ứng Hệ thống đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính của Văn phòng Chính phủ;

- Tỷ lệ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến (tỷ lệ này trích xuất từ Cổng Dịch vụ công quốc gia): 100%;

- Có trang bị máy Scan để đáp ứng yêu cầu số hoá hồ sơ, giấy tờ giải quyết thủ tục hành chính).

III. Hướng dẫn thực hiện các nội dung, tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu

Xã đạt tiêu chí kiểu mẫu về chuyển đổi số:

*(- Đạt các nội dung tại **Mục II Hướng dẫn này**;*

- Cơ sở vật chất về công nghệ thông tin đồng bộ, bảo đảm an toàn thông tin;

- Sử dụng hiệu quả, đạt chỉ tiêu hàng năm đối với các phần mềm dùng chung của tỉnh: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Một cửa điện tử, Chữ ký số;

- Có hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông phủ sóng đến 100% các thôn, hoạt động ổn định;

- Có phòng họp trực tuyến bảo đảm các điều kiện kỹ thuật theo quy định;

- Tại các Trường học, Trạm y tế: Triển khai đầy đủ, hiệu quả các phần mềm theo hướng dẫn của ngành giáo dục, y tế phục vụ quản lý, dạy học và khám, chữa bệnh (có triển khai ứng dụng các phần mềm trực tuyến như dạy học trực tuyến, khám bệnh từ xa);

- Ít nhất 50% người trưởng thành trong xã có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán các dịch vụ thiết yếu như điện, nước, viễn thông, học phí, ...;

- 100% số thôn có các nhóm/tổ công nghệ số cộng đồng tương tác, tương trợ lẫn nhau).

IV. Hướng dẫn thực hiện các nội dung, tiêu chí về huyện nông thôn mới (Nội dung 9.5 thuộc tiêu chí số 9 về Hệ thống chính trị - an ninh – trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí huyện Nông thôn mới)⁵

Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên

(UBND cấp huyện cung cấp dịch vụ công trực tuyến; có hồ sơ nộp trực tuyến đạt tối thiểu 30% trở lên được thể hiện trên Bản đồ thực thi thể chế của Cổng Dịch vụ công quốc gia)⁶.

V. Hướng dẫn thực hiện các nội dung, tiêu chí về huyện nông thôn mới nâng cao

1. Có mô hình xã, thôn thông minh (Nội dung 8.9 thuộc tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống trong Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao)

a) Mô hình xã thông minh

- Chính quyền xã thông minh: Chính quyền xã ứng dụng triệt để công nghệ số vào công tác quản lý nhằm nâng cao hiệu quả làm việc của chính quyền, tăng tính minh bạch trong các hoạt động của xã và để phục vụ người dân trong xã tốt hơn;

- Giao tiếp với người dân: hỗ trợ việc thay đổi cách thức chính quyền xã giao tiếp, tương tác với người dân thông qua các công cụ công nghệ số;

- Thương mại điện tử: hỗ trợ quảng bá, tiếp thị và bán các sản phẩm của địa phương trên môi trường mạng;

- Du lịch: thông qua ứng dụng công nghệ số để quảng bá, thu hút khách trong và ngoài nước đến với địa phương;

- Dịch vụ xã hội: ứng dụng công nghệ số để cung cấp các dịch vụ xã hội để phục vụ và hỗ trợ người dân tốt hơn, giúp người dân cảm nhận được sự chuyển đổi trong môi trường mình sinh sống so với trước đây (y tế, giáo dục, môi trường, ...);

⁵ UBND tỉnh giao hướng dẫn tại QĐ số 1595/QĐ-UBND

⁶ Địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>; Mục “Kết quả đánh giá chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của bộ, ngành, địa phương”.

- Quảng bá – Thương hiệu: ứng dụng công nghệ số để hỗ trợ, quảng bá, xây dựng thương hiệu và hình ảnh về mô hình xã thông minh, thương hiệu cho các sản phẩm nông sản, du lịch của địa phương trên môi trường mạng.

b) Có ít nhất một mô hình thôn thông minh

- Về thiết chế: Có hạ tầng internet cáp quang và thông tin di động 4G/5G bao phủ đến hộ gia đình; Có các nhóm/tổ công nghệ số cộng đồng tương tác, tương trợ lẫn nhau trong thôn; Có 100% nhà ở cá nhân, hộ gia đình trong thôn được gắn mã địa chỉ số trên nền tảng bản đồ số;

- Về con người: Cán bộ thôn có ứng dụng các nền tảng số để thông tin, tuyên truyền đến người dân trong thôn; Trên 70% người trưởng thành trong thôn có sử dụng điện thoại thông minh, được hướng dẫn, tập huấn, đào tạo các kỹ năng cài đặt, sử dụng các phần mềm, nền tảng số hỗ trợ cho việc tìm kiếm, tra cứu, trao đổi thông tin, thanh toán trực tuyến.

2. Có dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 4 (*Nội dung 9.2 thuộc tiêu chí số 9 về an ninh – trật tự - hành chính công thuộc Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao*)

(UBND cấp huyện cung cấp dịch vụ công trực tuyến; có hồ sơ nộp trực tuyến đạt tối thiểu 30% trở lên được thể hiện trên Bản đồ thực thi thể chế của Cổng Dịch vụ công quốc gia).

IV. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thành phố, thị xã:

a) Triển khai Hướng dẫn này đến UBND các xã, các doanh nghiệp, đơn vị hoạt động bưu chính, viễn thông đóng trên địa bàn.

b) Hướng dẫn, giúp các xã thực hiện các nội dung theo Hướng dẫn này.

c) Hướng dẫn các doanh nghiệp, đơn vị bưu chính, viễn thông hoạt động trên địa bàn thực hiện tiêu chí theo quy định.

d) Hướng dẫn UBND các xã đã về đích Nông thôn mới các cấp độ giai đoạn 2010-2020 tiếp tục rà soát, xây dựng các nội dung, tiêu chí theo Hướng dẫn này.

đ) Báo cáo tình hình thực hiện tiêu chí thông tin và truyền thông tại địa phương cho Sở Thông tin và Truyền thông theo quy định.

2. Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trong quá trình phát triển hạ tầng, mạng lưới, dịch vụ cần đáp ứng yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật, chất lượng

dịch vụ bưu chính, viễn thông theo quy định, trong đó lưu ý:

- Các doanh nghiệp viễn thông triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng, cung cấp dịch vụ đi đôi với việc hạ ngầm, chỉnh trang mạng cáp đảm bảo an toàn mạng lưới, mỹ quan khu vực nông thôn.

- Bưu điện tỉnh tập trung nâng cấp cơ sở vật chất các điểm phục vụ bưu chính; triển khai các dịch vụ mới tại các điểm phục vụ bưu chính, nhất là tham gia cung cấp các dịch vụ hành chính công, dịch vụ công trực tuyến.

V. Danh mục các tài liệu minh chứng

(Có phụ lục kèm theo)

Trên đây là Hướng dẫn thực hiện các nội dung Tiêu chí thông tin và truyền thông trong trong các Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung các nội dung đề nghị phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để nghiên cứu, xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

Nơi nhân:

- Bộ TT&TT;
- UBND tỉnh;
- VPĐP CTMTQG XD NTM tỉnh;
- UBND các huyện, thành, thị;
- Các DN Bưu chính, Viễn thông;
- Ban Giám đốc Sở;
- Văn phòng Sở, P.TT-BC-XB;
- Công TTĐT Sở TT&TT (đăng tải);
- Lưu VT, BCVTCNTT.

} (để bc).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Nguyên Hào

PHỤ LỤC

Danh mục các tài liệu minh chứng thực hiện các nội dung tiêu chí

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-STTTT ngày tháng năm 2022 của Sở Thông tin và Truyền thông)

1. Danh mục chung

- Báo cáo thực hiện các nội dung tiêu chí TT&TT đối với từng cấp độ đạt của đơn vị đề nghị xét, công nhận.
- Báo cáo thẩm tra của UBND cấp huyện đối với trường hợp xét công nhận cấp xã đạt chuẩn.

2. Danh mục cụ thể:

Dưới đây là danh mục tài liệu tối thiểu cung cấp để minh chứng các nội dung thực hiện. Tùy thuộc vào điều kiện thực tế, các tài liệu có thể khác danh mục này, nhưng phải bảo đảm minh chứng rõ các nội dung thực hiện.

TT	Nội dung	Ghi chú
I	Hồ sơ minh chứng các nội dung tiêu chí xã đạt chuẩn Nông thôn mới	
1	<i>Điểm phục vụ bưu chính</i>	
	Bản sao giấy tờ chứng minh có mặt bằng điểm PV bưu chính (Giấy CN quyền SD đất; cho thuê, mượn mặt bằng,...)	Do Điểm phục vụ bưu chính cung cấp
	Hợp đồng lao động của nhân viên điểm PV bưu chính	
	Danh mục các dịch vụ cung ứng tại điểm PV bưu chính; các tài liệu niêm yết tại điểm PV bưu chính.	
	Danh mục các trang thiết bị tại điểm PV bưu chính	
	Các ảnh chụp ngoài, trong điểm PV bưu chính.	
2	<i>Xã có dịch vụ viễn thông, internet</i>	
	Biểu thống kê các thôn có dịch vụ viễn thông, internet của tối thiểu (nhưng không giới hạn) một trong các doanh nghiệp: VNPT, Viettel, MobiFone, bảo đảm 100% thôn có cả 2 dịch vụ.	Xã phối hợp các DN viễn thông cung cấp (có xác nhận của DN viễn thông và xã)
3	<i>Xã có đài truyền thanh xã và hệ thống loa đến các thôn</i>	
	Hồ sơ đầu tư Đài truyền thanh xã	
	Sơ đồ bố trí hệ thống loa của xã	
	Giấy phép tần số vô tuyến điện	Đối với Đài FM
	Báo cáo thẩm định phương án, giải pháp kỹ thuật, công	Đối với Đài ứng

	nghệ do cơ quan có thẩm quyền thẩm định đối với các trường hợp phải thẩm định theo quy định	dụng CNTT-VT thuộc đối tượng phải thẩm định phương án, giải pháp kỹ thuật.
	Sổ nhật ký truyền thanh	
4	<i>Xã có ứng dụng CNTT trong quản lý và điều hành</i>	
	Danh sách cán bộ/công chức có máy tính	
	Sơ đồ kết nối mạng LAN	
	Danh mục các phần mềm dùng chung xã đang khai thác sử dụng (quản lý điều hành, một cửa điện tử, chữ ký số, thư điện tử công vụ,...); Báo cáo thống kê tình hình sử dụng dịch vụ của từng phần mềm trích xuất từ hệ thống của năm xét, thẩm định đạt chuẩn và lũy kế từ khi sử dụng dịch vụ	
	Địa chỉ truy cập Trang thông tin điện tử xã	
II	Hồ sơ minh chứng các nội dung tiêu chí xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao	
1	<i>Hồ sơ minh chứng xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025</i>	
2	Các tài liệu về việc được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ dung cấp dịch vụ công trực tuyến của nhân viên điểm phục vụ bưu chính	Do điểm phục vụ bưu chính cung cấp
3	Danh sách người dân trong độ tuổi lao động có sử dụng điện thoại thông minh	Có xác nhận của Trưởng thôn (có thể phối hợp DN viễn thông để lập DS)
4	Danh sách các hộ gia đình thu xem được một trong số các loại dịch vụ truyền hình/loại dịch vụ (vệ tinh, cáp, số mặt đất, internet)	Có xác nhận của Trưởng thôn
5	Danh sách các điểm cung cấp xuất bản phẩm	
6	Báo cáo số liệu tình hình thực hiện dịch vụ công trực tuyến của xã (trích xuất từ hệ thống một cửa điện tử)	
7	Các tài liệu minh chứng về công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đối với các	Các khóa bồi dưỡng, tập huấn

	cán bộ, công chức xã	tự mở; do đơn vị chuyên môn khác mở; các chứng chỉ có liên quan nếu có.
8	Các tài liệu minh chứng về phổ biến kiến thức sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản cho người dân trong độ tuổi lao động	Các hội nghị, lớp tập huấn trực tiếp, trực tuyến (xã, thôn); Tài liệu giấy, tài liệu điện tử được gửi qua đường điện tử cho người lao động.
9	Danh mục các sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên sàn TMĐT: tên sàn, đơn vị cung cấp sản phẩm, số sao đạt được.	
10	Danh mục địa chỉ số của hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển.	Phối hợp Bru điện huyện để có số liệu
11	Sơ đồ kết nối mạng wifi tại các địa điểm bắt buộc; Danh mục các địa điểm có mạng wifi khuyến khích lắp đặt khác.	
12	Báo cáo chỉ tiêu cấp xã thực hiện các chỉ tiêu ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính trong Hướng dẫn (số liệu trích xuất từ hệ thống điện tử).	
III	Hồ sơ minh chứng các nội dung tiêu chí xã đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu	
1	Hồ sơ minh chứng Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025	
2	Danh mục các thiết bị phòng họp trực tuyến (kèm ảnh chụp)	
3	Danh mục các phần mềm triển khai tại các Trường học, Trạm Y tế.	
4	Danh mục người trưởng thành có tài khoản thanh toán trực tuyến (tài khoản ngân hàng, ví điện tử, Mobile money,...)	
5	Danh mục các nhóm/tổ cộng đồng của các thôn trong xã,	

	số lượng thành viên tham gia.	
IV	Hồ sơ minh chứng các nội dung tiêu chí huyện nông thôn mới	
1	Hồ sơ đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao về thông tin và truyền thông các xã theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025	
2	Báo cáo tình hình thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 của huyện (có trích xuất số liệu từ Cổng dịch vụ công quốc gia)	
IV	Hồ sơ minh chứng các nội dung tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao	
1	Hồ sơ minh chứng huyện đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025	
2	<i>Mô hình xã thông minh</i>	
	Danh mục các ứng dụng, nền tảng số của xã xây dựng mô hình thông minh đang sử dụng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền, giao tiếp với người dân, thương mại điện tử, du lịch, dịch vụ xã hội, quảng bá thương hiệu (Các phần mềm Chính quyền số dùng chung; Các nền tảng phục vụ phát triển Kinh tế số, Xã hội số do Bộ TTTT công bố)	Hệ thống các nền tảng do Bộ TTTT công bố trên Cổng TTĐT của Bộ TTTT
	Báo cáo đánh giá hiệu quả ứng dụng các nền tảng số	
3	<i>Mô hình thôn thông minh:</i>	
	Danh mục các nhóm/tổ công nghệ số cộng đồng; số người tham gia/nhóm	
	Danh mục nhà ở cá nhân, hộ gia đình được gắn mã địa chỉ số trên nền tảng bản đồ số	
	Danh mục nền tảng số các Trưởng thôn sử dụng thông tin, tuyên truyền đến người dân trong thôn (Zalo, Facebook,...)	
	Danh mục người trưởng thành có sử dụng điện thoại thông minh, được hướng dẫn, tập huấn, đào tạo các kỹ năng cài đặt, sử dụng các phần mềm, nền tảng số hỗ trợ cho việc tìm kiếm, tra cứu, trao đổi thông tin, thanh toán trực tuyến	
	Báo cáo tình hình thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 của huyện (có trích xuất số liệu từ Cổng dịch vụ công quốc gia)	

